

**CÔNG TY TNHH DỪA NGỌC MAI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỪA NGỌC MAI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGOC MAI COCONUT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NGOC MAI COCONUT CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1301117807

**3. Ngày thành lập:** 12/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Ấp An Lộc Giồng (Thửa đất số 1845, Tờ bản đồ số 02), Xã An Thạnh, Huyện Mỏ Cày Nam, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0964469748

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                              | Mã ngành                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ động vật và lâm sản pháp luật cấm kinh doanh)                                                                              | 4620(Chính)                                                  |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm (Trừ động vật hoang dã thuộc danh mục cấm)                                                                                                                                          | 4632                                                         |
| 3.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                       | 4633                                                         |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ dược phẩm, dụng cụ y tế, súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ)                                                                                                     | 4649                                                         |
| 5.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                           | 4661                                                         |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ LPG và Dầu nhớt cặn)                                                                                                                            | 4669                                                         |
| 7.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                       | 4722                                                         |
| 8.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                           | 1030                                                         |
| 9.  | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                                                                                                        | 1040                                                         |
| 10. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                                                                    | 1073                                                         |
| 11. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                         | 1079                                                         |
| 12. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                                | 1104                                                         |
| 13. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                               | 1629                                                         |
| 14. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                 | 2023                                                         |
| 15. | Sản xuất sợi nhân tạo                                                                                                                                                                                  | 2030                                                         |
| 16. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4772                                                         |
| 17. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                               | 4773                                                         |
| 18. | Ghi chú: Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

#### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ MAI | Việt Nam  | Tỉnh Bến Tre, Việt Nam                                                 | 3.500.000.000         | 70,000    | 301788166                                                                                               |         |

|   |                   |             |                                                                                       |               |        |           |  |
|---|-------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|-----------|--|
| 2 | HUỖNH<br>VĂN LONG | Việt<br>Nam | Số 144 Trần Minh<br>Châu, Phường 5,<br>Thành phố Tân An,<br>Tỉnh Long An, Việt<br>Nam | 1.500.000.000 | 30,000 | 300887517 |  |
|---|-------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|-----------|--|

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ MAI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 301788166

Ngày cấp: 13/07/2017

Nơi cấp: Công an Long An

Địa chỉ thường trú: Số 144 Trần Minh Châu, Phường 5, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 144 Trần Minh Châu, Phường 5, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre